

Vườn Quốc gia Côn Đảo

Tên khác:

Côn Sơn, Poulo Condore

Tỉnh:

Bà Rịa-Vũng Tàu

Diện tích:

19.998 ha

Toa độ:

8°37' - 8°48' N, 106°32' - 106°45' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Đông Nam Bộ

Có quyết định của Chính phủ:

Có

Đã thành lập Ban quản lý:

Có

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Có

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

B, C

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có Bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Quần đảo Côn Đảo ở cách bờ biển miền Nam Việt Nam khoảng 80 km. Năm 1983, Chi cục Kiểm lâm đặc khu Bà Rịa-Vũng Tàu đã hợp tác với Cục Kiểm lâm của Bộ Lâm nghiệp cũ và Phân viện ĐTQH Rừng, thành phố Hồ Chí Minh xây dựng nghiên cứu khả thi cho quần đảo Côn Đảo, trong đó đã đề nghị xây dựng tại đây một khu rừng đặc dụng. Dựa theo đề nghị này, ngày 01/03/1984 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 85/CT, thành lập Vườn Quốc gia Côn Đảo với diện tích 6.000 ha (Bộ NN&PTNT, 1997).

Năm 1990, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo đã hợp tác với Trung tâm Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự án đầu tư cho Vườn Quốc gia Côn Đảo (Anon. 1990). Dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 135/TTg, ký ngày 31/03/1993 (ADB 1999). Theo Quyết định này, tổng diện tích khu vực là 15.043 ha, trong đó có 6,043 ha phần đất liền và 9.000 ha phần biển. Sau đó Ban quản lý VQG được thành lập theo Quyết định số 396/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 28/05/1993. Ban quản lý hiện có 60 cán bộ (20% có bằng đại học), một trụ sở và 10 trạm bảo vệ. Ban quản lý có một đội tuần tra biển, được trang bị hai tàu cao tốc và một tàu gỗ. Ban quản lý hiện thuộc sự quản lý của UBND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Ban quản lý VQG Côn Đảo, 2003).

Năm 1997, Phân viện ĐTQH Rừng II (Tp Hồ Chí Minh) đã chỉnh lý dự án đầu tư Vườn Quốc gia Côn Đảo cho kế hoạch 1998 đến 2002. Dự án đầu tư này đề

xuất mở rộng diện tích của Vườn quốc gia lên thành 19.998 ha, bao gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 5.446 ha, phân khu phục hồi sinh thái 500 ha, phân khu hành chính dịch vụ 52 ha và khu bảo vệ biển 14.000 ha. Thêm vào đó, đã xác định vùng đệm trên biển có diện tích 20.500 ha (Anon. 1997). Dự án đầu tư sau khi chỉnh lý đã được UBND Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt theo Quyết định số 1165/QĐ-UB, ngày 16/05/1998 (Ban quản lý VQG Côn Đảo, 2000).

Côn Đảo có trong danh lục các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục Kiểm lâm - Bộ NN&PTNT với diện tích 19.998 ha (Cục Kiểm lâm, 2003), danh lục này hiện vẫn chưa được Chính phủ phê duyệt.

Địa hình và thủy văn

VQG Côn Đảo nằm ở trung tâm quần đảo Côn Đảo gồm đến 14 đảo nhỏ, đảo lớn nhất là Côn Sơn. Địa hình đảo Côn Sơn là vùng đồi núi, ưu thế bởi các dãy đá granit chạy từ phía tây nam đến đông bắc, che chở cho các vùng vịnh của đảo cả về hai phía khỏi những luồng gió mạnh. Những điểm cao nhất trên đảo là đỉnh Núi Thánh Giá và Núi Chùa, có độ cao 577 m và 515 m. Điểm cao nhất trên các đảo nhỏ là 200 m.

Không sông suối thường xuyên trên cả quần đảo Côn Đảo, các dòng suối chỉ có nước theo mùa. Vào mùa mưa, lượng nước dư thừa, nhưng trong mùa khô thì thiếu nước là vấn đề lớn đối với người dân trên đảo. Có 3 hồ chứa nước mưa để cấp nước cho nhân dân vào mùa khô.

Quần đảo Côn Đảo nằm ở vùng giao nhau giữa hai luồng hải lưu: luồng hải lưu ấm từ phía nam và luồng hải lưu lạnh từ phía bắc.

Đa dạng sinh học

Đảo Côn Sơn và nhiều đảo nhỏ khác thuộc quần đảo này đều có rừng. Theo dự án đầu tư đã được chính lý thì vườn quốc gia có 4.095 ha rừng, bằng 81% tổng diện tích đảo nổi thuộc khu bảo tồn. Hiện nay, đã tìm thấy 882 loài thực vật có mạch, trong đó có 91 loài cây thuốc. Một đặc điểm nổi bật của khu hệ thực vật Côn Đảo là tại đây có 44 loài thực vật lần đầu tiên được mô tả tại các đảo. Nhiều loài mang tên các địa danh của vùng như Dầu Côn Sơn *Dipterocarpus condorensis*, Bưởi Côn Sơn *Ilex condorensis*, Đọt dành Côn Sơn *Pavetta condorensis* và Lầu Côn Sơn *Psychotria condorensis* (Anon. 1997). Nhóm cây thuốc điển hình như Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Gõ sũa, Đỗ trọng nam, Dây vàng đắng, Đại kích biển, Khổ sâm nam, Mã tiền, Thổ phục linh, Tục đoạn, Nhục đậu khấu... Đặc biệt là Chay lan *Ochrosia oppositifolia* là loài có chứa alkaloid, có khả năng chữa bệnh ung thư. Nhóm cây làm cảnh có 80 loài, trong đó có 30 loài phong lan, Cau kiểng vàng, Cau chuột nghịch, Thiên tuế, Thiết mộc lan. Nhóm cây cho dầu, nhựa có 8 loài như Dầu, Tràm, Đước. Nhóm cây ăn được như Dâu da, Nhãn rừng, Trâm, Rau ngót rừng.

Đến nay đã ghi nhận được 24 loài thú, 69 loài chim và 42 loài bò sát, ếch nhái tại VQG. Mặc dù số lượng loài tương đối thấp nhưng mật độ cá thể lại thường cao, một số loài và phân loài đặc hữu cho vùng như Sóc đen Côn Sơn *Ratufa bicolor condorensis*. Khu hệ chim Côn Đảo còn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Tuy nhiên, có nhiều loài chim ở Côn Đảo không tìm thấy ở bất kỳ một nơi nào khác ở Việt Nam như loài Bồ câu nicoba *Caloenas nicobarica*, Chim nhiệt đới *Phaethon aethereus*, Chim điên mặt xanh *Sula dactylatra* và Gâm gù trắng *Ducula bicolor*.

Hệ sinh thái biển của vườn quốc gia có rừng ngập mặn, các rạn san hô và cỏ biển. Rừng ngập mặn có khoảng 15 ha phân bố xung quanh Hòn Ba, dọc bờ biển phía tây Hòn Bảy Cạnh và dọc theo bờ biển phía nam, phía bắc của đảo Côn Sơn. Các rạn san hô ở Côn Đảo thuộc loại cổ xưa nhất ở Việt Nam, phân bố tại khu vực nước nông xung quanh các đảo, chiếm tổng diện tích khoảng 1.000 ha. Các rạn san hô ghi nhận mức độ đa dạng sinh học cao với 270 loài đã được ghi nhận trong vùng. Các cuộc điều tra của Viện Hải dương học Nha

Trang đã ghi nhận có 1.323 loài động thực vật biển, trong đó có 44 loài ghi trong Sách đỏ Việt Nam. Với 153 loài nhuyễn thể ghi nhận được, chứng tỏ sự đa dạng của nhóm nhuyễn thể tại đây cao hơn bất kỳ mọi đảo khơi khác ở Việt Nam (ADB, 1999). Côn Đảo có khoảng 200 ha cỏ biển nơi tồn tại quần thể nhỏ của loài thú biển bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu là loài Bò biển *Dugong dugon*, ước tính số lượng có khoảng 12 cá thể (Ban quản lý VQG Côn Đảo, 2003).

VQG Côn Đảo là nơi làm tổ quan trọng của loài Vích *Chelonia mydas* và Đồi mồi *Eretmochelys imbricata*, hai loài rùa biển đang bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu (Nguyễn Thị đào, 1999). Hàng năm, khu vực đã ghi nhận được hơn 250 cá thể cái đến làm tổ sinh sản tại 14 địa điểm trong VQG với tổng số tổ lên đến hơn 1.000 tổ. Gần 80% các tổ được làm trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 9 (Nguyễn Trường Giang, 2003). Ngoài ra, một số các loài động vật biển có vú cũng đã được ghi nhận tại VQG Côn Đảo (Ban quản lý VQG Côn Đảo, 2003).

Các vấn đề về bảo tồn

Hiện nay, mức độ tác động của con người lên hệ sinh thái ở cận tương đối thấp (J. Hardcastle, 2000). Ngoại trừ việc du nhập nhân tạo các loài thú có thể gây nên mối đe dọa đến các quần thể chim làm tổ trên đảo như Bồ câu nicobar và các loài chim biển khác (J. Eames, 2000).

Một trong các mối đe dọa lớn nhất đến đa dạng sinh học VQG Côn Đảo là phát triển cơ sở hạ tầng. Hiện nay, các đảo đang được phát triển như là điểm du lịch và nhiều dự án xây dựng liên hợp cũng theo hướng này. Điều này thể hiện qua việc xây dựng các khách sạn, mở rộng cảng hàng không và xây dựng những tuyến đường mới. Ví dụ, một sân bay mới sẽ được xây dựng vào cuối năm 2003 (Nguyễn Trường Giang, 2003). Các hoạt động này có khả năng mang lại những tác động hết sức tiêu cực đối với môi trường thiên nhiên của Vườn như gây nên sự ô nhiễm, làm nhiễu loạn đối với các quần thể động vật hoang dã, và gây nên sự bồi lấp bùn cát lên các rạn san hô và thảm cỏ biển (J. Hardcastle, 2000).

Đa dạng sinh học biển ở VQG Côn Đảo bị đe dọa bởi các kỹ thuật đánh bắt mang tính huỷ diệt như sử dụng chất xianua (KN) để đánh bắt loài cá mú. Kỹ thuật đánh bắt khác mang lại những hậu quả tiêu cực đến đa dạng sinh học như sử dụng nhiều đèn có độ

chiếu sáng mạnh. Những loại đèn này như ta đã biết là sẽ đánh lạc hướng các loài rùa đang làm tổ. Các mối đe dọa khác đến các loài rùa biển ở Côn Đảo là việc thu nhặt trứng để làm thực phẩm, sự ô nhiễm dầu và sự phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng (Nguyễn Thị Đào 1999, Ban quản lý VQG Côn Đảo, 2003).

Cảng cá được xây dựng ở vịnh Bến Đầm, và đã được đề xuất khai trương vào cuối năm 2000 (Theo Quyết định số 511/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/8/1995 về việc giao đất và mặt nước cho Công ty thủy sản và xuất nhập khẩu Côn Đảo để xây dựng cảng cá tại vịnh Bến Đầm, huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu). Hàng loạt công trình khác như bể chứa dầu sẽ được xây dựng trong các năm tới đây ở đảo Côn Sơn. Việc xây dựng các công trình này làm giao thông đường biển được tăng cường, và chắc chắn sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến các hệ sinh thái biển trong việc gây ra ô nhiễm và làm tăng sự nhiễu loạn đến bãi làm tổ của các loài rùa biển.

Không chỉ các hoạt động của con người đe dọa đến đa dạng sinh học của VQG Côn Đảo, mà trong năm 1997, cả quần đảo đã bị ảnh hưởng của cơn bão Linda (cơn bão số 5), gây ra một số tổn hại cho các rạn san hô, và xáo trộn vùng làm tổ của các loài rùa biển.

Các giá trị khác

Quần đảo Côn Đảo có ý nghĩa quan trọng về lịch sử do đây là nơi thực dân Pháp và ngụy quyền miền Nam Việt Nam sử dụng làm nhà tù với lịch sử 113 năm (1862-1975). Nhiều nhà cách mạng nổi tiếng đã bị giam tại đây từ trước năm 1975, cho nên đây cũng là một di tích lịch sử. Một khu di tích lịch sử quốc gia rộng 30 ha đã được xây dựng trên đảo theo Quyết định số 54/VH/QĐ của Bộ VHTT (ADB, 1999).

Tại Quần đảo Côn Đảo dịch vụ du lịch đã phát triển và trở thành một trong những lĩnh vực kinh tế quan trọng của các đảo. Vườn quốc gia có nhiều tiềm năng về phát triển ngành du lịch trong tương lai, như hình thành du lịch đi bộ, xem chim, bơi lội và quan sát các loài rùa biển làm tổ. Kiểm soát và phát triển du lịch liên quan đến môi trường là tiềm năng làm tăng sự hiểu biết về bảo vệ môi trường và tăng nguồn thu chung cho công tác quản lý vườn quốc gia.

Vùng biển Côn Đảo là khu vực khai thác thủy sản quan trọng. Nhiều sản phẩm biển có giá trị kinh tế cao, như các loài cá mú và các loài trai lớn có trong vùng

này. Rừng ngập mặn ở các đảo là những khu vực cung cấp con giống quan trọng đối với ngành thủy sản.

Các dự án có liên quan

Trong 8 năm qua, WWF - Chương trình Đông Dương đã cùng với Ban Quản lý VQG thực hiện dự án bảo tồn rùa biển. Dự án này được khởi đầu bằng chương trình giám sát rùa biển và đã 5 lần cho ấp nhân tạo để bảo vệ trứng của rùa biển khỏi bị phá hủy tự nhiên. Dự án này do WWF Quốc tế, WWF Mỹ, WWF Hà Lan và Danida tài trợ (N Cox *in litt.* 2003).

Năm 1998, WWF - Chương trình Đông Dương, Viện hải dương học Nha Trang và Trường Đại học Khoa học và kỹ thuật Hồng Kông đã thực hiện dự án do DANIDA tài trợ về bảo tồn Đa dạng sinh học biển tại Côn Đảo.

Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên Thế giới (WWF) phối hợp với Công ty tư vấn môi trường toàn cầu, đã thực hiện dự án: *Dự án trình diễn về quản lý môi trường biển và ven biển Côn Đảo* do Ngân hàng Phát triển Châu Âu tài trợ (ADB). Các mục tiêu của dự án này là phát triển Kế hoạch quản lý môi trường biển và ven biển và dự án du lịch cho Vườn quốc gia.

Năm 2000, WWF - Chương trình Đông Dương triển khai dự án thứ hai do Danida tài trợ nhằm bảo tồn đa dạng sinh học tại Côn Đảo.

Từ năm 2003 đến 2006, WWF - Chương trình Đông Dương sẽ triển khai dự án cỡ vừa của UNDP/GEF tài trợ *Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên vùng biển và dải ven bờ tại khu vực các đảo Côn Đảo*. Mục đích của dự án này nhằm bảo vệ đa dạng sinh học biển và dải ven biển có ý nghĩa toàn cầu tại các đảo trong VQG Côn Đảo. Mục tiêu của dự án sẽ đạt được thông qua các hoạt động tăng cường năng lực, thúc đẩy du lịch sinh thái, cải tổ công tác quản lý.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được tiến hành đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Kế hoạch quản lý chưa được xây dựng.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Côn Đảo không phù hợp với các mục đích đầu tư của VCF do không đáp ứng tiêu chí có tầm quan trọng quốc tế trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	
A _{II}	
B _I	Quyết định số 85/CT ngày 01/03/1984
B _{II}	Vườn Quốc Gia
B _{III}	Chịu sự quản lý của UBND Tỉnh
C _I	Ban quản lý đã thành lập
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

ADB (1999) Draft coastal and marine protected areas plan. Hanoi: Asian Development Bank.

Anon. (1990) "Investment plan for Con Dao National Park". Con Dao: Con Dao National Park Management Board and the Centre for Natural Resources and Environmental Studies. In Vietnamese.

Anon. (1997) "Investment plan for Con Dao National Park: 1998-2002". Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Sub-FIPI. In Vietnamese.

Anon. (1998) "Con Dao National Park special issue". *Bien "The Sea"*: August, September and October 1998. In Vietnamese.

Con Dao National Park (2000) Con Dao National Park, Vietnam. Tourist map of by Con Dao National Park.

Con Dao National Park (2000) Ecotourism in Con Dao National Park. Tourist booklet for Con Dao National Park.

Cox, N. (2000) Vietnam's gentle sea cow teeters on brink of extinction. *Vietnam News* 16 September 2000.

Hardcastle, J. (undated) Tourism development on Con Dao islands: a case study in action. Unpublished discussion paper.

Ngo An (1999) Effects of the Typhoon No. 5 on the protective power of the vegetation cover of Con Dao National Park. *Lam Nghiep "Vietnam Forest Review"* February 1999: 17-19. In Vietnamese.

Nguyen Chu Hoi, Nguyen Huy Yet and Dang Ngoc Thanh eds. (1998) "Scientific basis for marine protected areas planning". Hai Phong: Hai Phong Institute of Oceanography. In Vietnamese.

Nguyen Duc Ngan (1994) "Building forestry database and vegetation map in Con Dao National Park". Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Sub-FIPI. In Vietnamese.

Nguyen Huy Yet and Vo Si Tuan (1995) "Information on proposed marine protected areas on the coast of Vietnam". Hai Phong: Hai Phong Institute of Oceanography. In Vietnamese.

Nguyen Thi Dao (1999) Marine turtle status report in Con Dao National Park. Hanoi: WWF Indochina Programme.

Nguyen Truong Giang (1998) "Marine turtle conservation plan". Unpublished report to Con Dao National Park Scientific Department. In Vietnamese.

Nguyen Truong Giang (2003) "Biodiversity conservation on Con Dao: status and ecological characteristics of Green Turtle *Chelonia mydas* and conservation solutions at Con Dao National Park." Unpublished report to Con Dao National Park Science Department. In Vietnamese.

Ross, M. and Andriani, A. D. (1998) Marine biodiversity conservation at Con Dao National Park, Vietnam. Hong Kong: Institute of Environment and Sustainable Development, Hong Kong University of Science and Technology.

Scott, D. A. (1989) A directory of Asian wetlands. Gland: IUCN.

Vietnam News (2001) Con Dao's potential remains untapped. *Vietnam News*, 11 April 2001.

Vo Si Tuan ed. (1995) "Survey report on the biodiversity resource utilisation and the conservation

potential of Con Dao island". Nha Trang: Nha Trang Institute of Oceanography. In Vietnamese.

Vo Si Tuan ed. (1995) Survey report on the biodiversity, resource utilization and conservation potential of Con Dao islands (south Vietnam). Nha Trang: Nha Trang Institute of Oceanography.

Vu An Ha, Nguyen Thanh Son, Hoang Dung and Vu Van Bien (1983) "Science report on Con Dao protected area". Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Wildash, P. (1967) An ornithological expedition to Poulo Condore (Con Son). Newsletter of Ornithologists Association of Vietnam 1: 19-29.

